

Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hạ tầng IDICO

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024



**Shape the future
with confidence**

Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hạ tầng IDICO

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hạ tầng IDICO

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1
Báo cáo của Ban Giám đốc	2
Báo cáo kiểm toán độc lập	3 - 4
Bảng cân đối kế toán	5 - 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	8 - 9
Thuyết minh báo cáo tài chính	10 - 31

Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hạ tầng IDICO

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hạ tầng IDICO ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh ("GCNĐKKD") số 4103008732 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 12 tháng 12 năm 2007, sau đó được điều chỉnh thành Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp ("Giấy CNĐKDN") số 0302095576 vào ngày 30 tháng 11 năm 2010, và lần điều chỉnh gần nhất là lần thứ 7 vào ngày 9 tháng 10 năm 2024.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là thu phí sử dụng đường bộ theo hợp đồng Xây dựng – Kinh doanh – Chuyển giao ("B.O.T"), thi công xây lắp công trình dân dụng, giao thông và đầu tư các dự án hạ tầng giao thông.

Cổ phiếu của Công ty, với mã HTI, được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh vào ngày 20 tháng 12 năm 2010.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Km 1906+700, Quốc lộ 1A, Khu phố 5, phường Bình Hưng Hòa B, Quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh. Ngoài ra, Công ty còn có một (1) chi nhánh tọa lạc tại Số 560A, Quốc lộ 1A, Khu phố 6, Phường Bình Hưng Hòa B, Quận Bình Tân, Thành Phố Hồ Chí Minh.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Hồng Hải	Chủ tịch	
Ông Lê Quốc Đạt	Thành viên	
Ông Đỗ Chí Linh	Thành viên	bổ nhiệm ngày 25 tháng 4 năm 2024
Ông Nguyễn Anh Dũng	Thành viên	miễn nhiệm ngày 25 tháng 4 năm 2024
Ông Khương Quốc Bình	Thành viên	
Ông Nguyễn Ngọc Khánh	Thành viên độc lập	

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban Kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Nguyễn Thị Thanh Huyền	Trưởng ban	bổ nhiệm ngày 25 tháng 4 năm 2024
Ông Nguyễn Văn Thọ	Trưởng ban	miễn nhiệm ngày 25 tháng 4 năm 2024
Bà Lê Thủy Trang	Thành viên	bổ nhiệm ngày 25 tháng 4 năm 2024
Ông Nguyễn Bình Minh	Thành viên	bổ nhiệm ngày 25 tháng 4 năm 2024
Ông Nguyễn Đăng Thanh	Thành viên	miễn nhiệm ngày 25 tháng 4 năm 2024
Bà Nguyễn Thị Minh Phương	Thành viên	miễn nhiệm ngày 25 tháng 4 năm 2024

BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Lê Quốc Đạt	Giám đốc
Ông Bùi Văn Dân	Phó Giám đốc
Ông Khương Quốc Bình	Phó Giám đốc
Ông Đoàn Văn Hùng	Phó Giám đốc

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là Ông Lê Quốc Đạt.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hạ tầng IDICO

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hạ tầng IDICO ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính; và
- ▶ lập báo cáo tài chính trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Giám đốc, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2024, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Giám đốc: 

Lê Quốc Đạt
Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 21 tháng 3 năm 2025

Số tham chiếu: 13689360/68468556-FN

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông của Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hạ tầng IDICO

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hạ tầng IDICO (“Công ty”) được lập ngày 21 tháng 3 năm 2025 và được trình bày từ trang 5 đến trang 31, bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính đi kèm.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

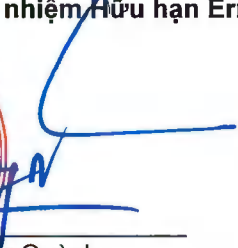
Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 đã được một doanh nghiệp kiểm toán khác kiểm toán và đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính đó vào ngày 11 tháng 3 năm 2024.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam




Nguyễn Thị Như Quỳnh
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNDKHN kiểm toán
Số: 3040-2024-004-1



Ngô Đức Nhật
Kiểm toán viên
Giấy CNDKHN kiểm toán
Số: 5627-2025-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 21 tháng 3 năm 2025

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm (Trình bày lại - Thuyết minh số 23)
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		339.141.803.117	140.319.183.484
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	1.877.918.437	45.390.607.914
111	1. Tiền		1.877.918.437	5.185.048.668
112	2. Các khoản tương đương tiền		-	40.205.559.246
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	5	309.451.676.166	80.000.000.000
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		309.451.676.166	80.000.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		26.012.059.927	14.858.435.038
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	6.1	20.197.586.763	14.394.237.320
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn		2.315.881.859	1.132.976.410
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	6.2	4.921.827.574	754.457.577
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	6.1, 6.3	(1.423.236.269)	(1.423.236.269)
140	IV. Hàng tồn kho		1.800.148.587	70.140.532
141	1. Hàng tồn kho		1.800.148.587	70.140.532
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		1.168.214.102.579	1.252.317.087.871
220	I. Tài sản cố định		1.085.445.045.410	1.175.905.150.008
221	1. Tài sản cố định hữu hình	7	1.085.445.045.410	1.175.905.150.008
222	Nguyên giá		2.568.431.962.883	2.556.209.978.281
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(1.482.986.917.473)	(1.380.304.828.273)
227	2. Tài sản cố định vô hình		-	-
228	Nguyên giá		915.724.800	915.724.800
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(915.724.800)	(915.724.800)
240	II. Tài sản dở dang dài hạn		-	11.286.878.860
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		-	11.286.878.860
260	III. Tài sản dài hạn khác		82.769.057.169	65.125.059.003
262	1. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	21.3	48.672.986.198	31.028.938.032
268	2. Tài sản dài hạn khác	8	34.096.120.971	34.096.120.971
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		1.507.355.905.696	1.392.636.271.355

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		1.002.797.046.901	910.221.541.568
310	I. Nợ ngắn hạn		115.177.068.950	67.534.800.214
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	9	8.405.860.131	2.834.219.942
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		2.589.014.849	9.160.000
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	10	8.647.843.651	15.367.756.578
314	4. Phải trả người lao động		1.639.685.014	1.595.712.419
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn		830.897.605	255.434.000
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	11	3.177.839.076	1.499.310.752
320	7. Vay ngắn hạn	12	88.360.000.000	-
321	8. Dự phòng phải trả ngắn hạn		-	45.073.245.770
322	9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	14	1.525.928.624	899.960.753
330	II. Nợ dài hạn		887.619.977.951	842.686.741.354
338	1. Vay dài hạn	12	498.820.216.383	587.180.216.383
342	2. Dự phòng phải trả dài hạn	13	338.799.761.568	255.506.524.971
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		504.558.858.795	482.414.729.787
410	I. Vốn chủ sở hữu	15.1	504.558.858.795	482.414.729.787
411	1. Vốn cổ phần		249.492.000.000	249.492.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		249.492.000.000	249.492.000.000
418	2. Quỹ đầu tư phát triển		164.586.458.199	164.586.458.199
421	3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		90.480.400.596	68.336.271.588
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		26.697.927.717	11.015.475.887
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay		63.782.472.879	57.320.795.701
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		1.507.355.905.696	1.392.636.271.355

Nguyễn Thị Loan
Người lập

Nguyễn Trường Vũ
Kế toán trưởng

Lê Quốc Đạt
Giám đốc




BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
10	1. Doanh thu cung cấp dịch vụ	16.1	489.839.849.627	440.346.839.733
11	2. Giá vốn dịch vụ cung cấp	17	(325.099.039.852)	(250.826.288.914)
20	3. Lợi nhuận gộp cung cấp dịch vụ		164.740.809.775	189.520.550.819
21	4. Doanh thu hoạt động tài chính	16.2	10.881.980.921	2.923.600.636
22	5. Chi phí tài chính	18	(55.846.810.710)	(77.278.422.391)
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		(55.846.810.710)	(77.278.422.391)
25	6. Chi phí bán hàng	19	(35.823.176.563)	(36.840.042.146)
26	7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	19	(4.162.496.299)	(6.633.884.122)
30	8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		79.790.307.124	71.691.802.796
31	9. Thu nhập khác		90.133.974	382.844.558
32	10. Chi phí khác		(14.850.000)	(124.297.896)
40	11. Lợi nhuận (lỗ) khác		75.283.974	258.546.662
50	12. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		79.865.591.098	71.950.349.458
51	13. Chi phí thuế TNDN hiện hành	21.1	(33.727.116.385)	(25.006.951.905)
52	14. Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	21.3	17.643.998.166	10.377.398.148
60	15. Lợi nhuận sau thuế TNDN		63.782.472.879	57.320.795.701
70	16. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	15.5	2.465	2.229
71	17. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	15.5	2.465	2.229


Nguyễn Thị Loan
Người lập


Nguyễn Trường Vũ
Kế toán trưởng

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 21 tháng 3 năm 2025

Lê Quốc Đạt
Giám đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		79.865.591.098	71.950.349.458
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao và hao mòn	7	102.682.089.200	97.700.818.818
03	Dự phòng		88.219.990.827	53.310.227.009
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(10.881.980.921)	(3.179.186.386)
06	Chi phí lãi vay	18	55.846.810.710	77.278.422.391
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		315.732.500.914	297.060.631.290
09	Tăng các khoản phải thu		(6.961.563.323)	(5.860.088.513)
10	(Tăng) giảm hàng tồn kho		(1.730.008.055)	29.208.426
11	Tăng (giảm) các khoản phải trả		10.069.009.849	(5.618.284.011)
14	Tiền lãi vay đã trả		(55.271.347.105)	(77.278.422.391)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	10	(40.731.949.763)	(25.373.018.922)
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(1.093.656.000)	(1.379.444.442)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		220.012.986.517	181.580.581.437
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi mua sắm tài sản cố định và xây dựng cơ bản dở dang		(1.010.925.543)	(13.887.034.917)
22	Tiền thu do thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		-	137.600.803.463
23	Tiền chi cho tiền gửi có kỳ hạn		(294.920.813.149)	(78.915.463.020)
24	Tiền thu hồi tiền gửi có kỳ hạn		65.469.136.983	-
27	Tiền thu lãi tiền gửi		6.689.919.355	1.839.063.656
30	Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào) từ hoạt động đầu tư		(223.772.682.354)	46.637.369.182
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
34	Tiền trả nợ gốc vay		-	(175.805.985.323)
36	Cổ tức đã trả		(39.752.993.640)	(45.164.094.170)
40	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động tài chính		(39.752.993.640)	(220.970.079.493)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY

Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hạ tầng IDICO ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh ("GCNĐKKD") số 4103008732 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 12 tháng 12 năm 2007, sau đó được điều chỉnh thành Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp ("Giấy CNĐKDN") số 0302095576 vào ngày 30 tháng 11 năm 2010, và lần điều chỉnh gần nhất là lần thứ 7 vào ngày 9 tháng 10 năm 2024.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là thu phí sử dụng đường bộ theo hợp đồng Xây dựng – Kinh doanh – Chuyển giao ("B.O.T"), thi công xây lắp công trình dân dụng, giao thông và đầu tư các dự án hạ tầng giao thông.

Cổ phiếu của Công ty, với mã HTI, được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh vào ngày 20 tháng 12 năm 2010.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Km 1906+700, Quốc lộ 1A, Khu phố 5, phường Bình Hưng Hòa B, Quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh. Ngoài ra, Công ty còn có một (1) chi nhánh tọa lạc tại Số 560A, Quốc lộ 1A, Khu phố 6, Phường Bình Hưng Hòa B, Quận Bình Tân, Thành Phố Hồ Chí Minh.

Số lượng nhân viên của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 167 người (ngày 31 tháng 12 năm 2023: 168 người).

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 27 - Báo cáo tài chính và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam khác do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục, nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán áp dụng được đăng ký của Công ty là Nhật ký chung.

2.3 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

2.4 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty là VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.2 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến (bao gồm chi phí nguyên vật liệu, chi phí lao động trực tiếp, chi phí liên quan trực tiếp khác, chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường) để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho cuối năm với giá trị được xác định như sau:

Nguyên vật liệu, hàng hóa, công - chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền cụ dụng cụ

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hóa tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Khi hàng tồn kho bị hủy bỏ do hết hạn sử dụng, mất phẩm chất, hư hỏng, không còn giá trị sử dụng, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng giảm giá hàng tồn kho đã trích lập và giá gốc hàng tồn kho được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Khi các khoản nợ phải thu khó đòi được xác định là không thể thu hồi được và kế toán thực hiện xóa nợ, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng nợ phải thu khó đòi và giá gốc nợ phải thu được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng hoạt động như dự kiến. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.5 Thuê tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Trong trường hợp Công ty là bên cho thuê

Thu nhập từ tiền cho thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong thời gian cho thuê.

3.6 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến. Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.7 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc – B.O.T	(*)
Nhà cửa và vật kiến trúc - Khác	4 - 25 năm
Máy móc và thiết bị	5 - 10 năm
Phương tiện vận tải	6 - 10 năm
Thiết bị văn phòng	4 - 8 năm
Phần mềm máy tính	5 - 7 năm

(*) Đối với tài sản cố định hình thành từ Dự án B.O.T An Sương - An Lạc (bao gồm các hạng mục bổ sung của Dự án) được khấu hao theo phương pháp phân bổ chi phí khấu hao tương ứng với doanh thu hàng năm theo tỷ lệ được quy định trong Phụ lục Hợp đồng B.O.T trong thời gian kể từ khi công trình, hạng mục công trình được đưa vào thu phí tới hết thời gian thu phí đến tháng 1 năm 2033.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.8 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty. Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong năm ngoại trừ các khoản được vốn hóa như theo nội dung của đoạn tiếp theo.

3.9 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được mà không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.10 Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định

Việc trích trước chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định được thực hiện theo kế hoạch trích trước chi phí sửa chữa lớn vào chi phí hàng năm.

3.11 Các khoản đầu tư

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí tài chính trong năm trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

3.12 Dự phòng

Công ty ghi nhận dự phòng khi có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) là kết quả của một sự kiện đã xảy ra trong quá khứ. Việc thanh toán nghĩa vụ nợ này có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và Công ty có thể đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

3.13 Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại đại hội đồng cổ đông thường niên.

Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

Quỹ khen thưởng và phúc lợi

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.14 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi dịch vụ được thực hiện và hoàn thành.

Tiền lãi

Thu nhập lãi được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Tiền cho thuê

Thu nhập từ tiền cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

3.15 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của các khoản mục này trong báo cáo tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- ▶ Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi Công ty có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.15 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- ▶ Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- ▶ Đối với các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh, tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận tính thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho [năm tài chính] khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu; trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế

- ▶ đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- ▶ Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi cáo khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

3.16 Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

3.17 Thông tin bộ phận

Hoạt động chính của Công ty là thu phí sử dụng đường bộ. Đồng thời, hoạt động kinh doanh của Công ty được thực hiện trong lãnh thổ Việt Nam. Vì vậy, rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty không bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về dịch vụ mà Công ty cung cấp hoặc do Công ty hoạt động tại nhiều khu vực địa lý khác nhau. Do đó, Ban Giám đốc nhận định là Công ty chỉ có một bộ phận theo hoạt động kinh doanh và khu vực địa lý. Theo đó, Công ty không cần phải trình bày thông tin theo bộ phận.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.18 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan nêu trên có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	1.011.969.257	345.234.071
Tiền gửi ngân hàng	865.949.180	4.839.814.597
Các khoản tương đương tiền	-	40.205.559.246
TỔNG CỘNG	1.877.918.437	45.390.607.914

5. ĐẦU TƯ NẮM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn thể hiện các khoản tiền gửi tại các ngân hàng thương mại có kỳ hạn gốc sáu (6) tháng và được hưởng lãi suất thị trường.

6. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN

6.1 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Ban quản lý Dự án Đầu tư Xây dựng các Công trình Giao thông trực thuộc Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh	12.632.203.470	7.279.292.027
Công ty TNHH TMDV và Xây dựng Thiên Vũ	4.756.467.024	4.856.467.024
Công ty TNHH Đầu tư Phát triển Đô thị Ngọc Viễn Đông	1.423.236.269	1.423.236.269
Khác	1.385.680.000	835.242.000
TỔNG CỘNG	20.197.586.763	14.394.237.320
Dự phòng phải thu khách hàng ngắn hạn khó đòi (Thuyết minh số 6.4)	(1.423.236.269)	(1.423.236.269)
GIÁ TRỊ THUẦN	18.774.350.494	12.971.001.051

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

6. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN (tiếp theo)

6.2 Phải thu ngắn hạn khác

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Lãi tiền gửi	4.192.061.566	-
Tạm ứng bồi thường giải phóng mặt bằng	390.000.000	390.000.000
Ký cược ký quỹ	169.766.008	149.766.008
Khác	170.000.000	214.691.569
TỔNG CỘNG	4.921.827.574	754.457.577
Trong đó:		
<i>Phải thu bên khác</i>	<i>4.871.827.574</i>	<i>704.457.577</i>
<i>Phải thu bên liên quan (Thuyết minh số 22)</i>	<i>50.000.000</i>	<i>50.000.000</i>

6.3 Nợ xấu

	VND					
	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị thuần	Giá trị	Dự phòng	Giá trị thuần
Phải thu ngắn hạn của khách hàng						
Công ty TNHH Đầu tư Phát triển Đô thị Ngọc Viễn Đông	1.423.236.269	(1.423.236.269)	-	1.423.236.269	(1.423.236.269)	-

Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hạ tầng IDICO

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

7. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa và vật kiến trúc – B.O.T (*)	Nhà cửa và vật kiến trúc - Khác	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tổng cộng
						VND
Nguyên giá:						
Số đầu năm	2.517.130.988.064	7.936.071.296	17.951.281.124	10.432.119.998	2.759.517.799	2.556.209.978.281
Mua trong năm	-	-	-	820.420.199	112.400.000	932.820.199
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	11.289.164.403	-	-	-	-	11.289.164.403
Số cuối năm	2.528.420.152.467	7.936.071.296	17.951.281.124	11.252.540.197	2.871.917.799	2.568.431.962.883
Trong đó:						
Đã khấu hao hết	778.992.059.854	4.366.244.007	8.949.404.784	4.382.936.636	1.570.936.769	798.261.582.050
Giá trị khấu hao lũy kế:						
Số đầu năm	(1.350.758.521.640)	(5.596.053.110)	(12.978.311.080)	(8.916.648.998)	(2.055.293.445)	(1.380.304.828.273)
Khấu hao trong năm	(100.715.528.511)	(177.719.028)	(951.012.985)	(642.894.800)	(194.933.876)	(102.682.089.200)
Số cuối năm	(1.451.474.050.151)	(5.773.772.138)	(13.929.324.065)	(9.559.543.798)	(2.250.227.321)	(1.482.986.917.473)
Giá trị còn lại:						
Số đầu năm	1.166.372.466.424	2.340.018.186	4.972.970.044	1.515.471.000	704.224.354	1.175.905.150.008
Số cuối năm	1.076.946.102.316	2.162.299.158	4.021.957.059	1.692.996.399	621.690.478	1.085.445.045.410

(*) Quyền thu phí giao thông trên toàn bộ Quốc lộ 1 đoạn An Suông – An Lạc (Km 1901-1915) và các quyền, lợi ích khác phát sinh gắn liền với công trình B.O.T đã được sử dụng để đảm bảo cho khoản vay ngân hàng (Thuyết minh số 12).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

8. TÀI SẢN DÀI HẠN KHÁC

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm (Trình bày lại - Thuyết minh số 23)
Dự án cầu Tân Kỳ Tân Quý (*)	34.096.120.971	34.096.120.971

(*) Ngày 7 tháng 11 năm 2023, Công ty và Cơ quan nhà nước có thẩm quyền đã ký kết Thỏa thuận Số 5513/TTCDHĐ chấm dứt trước thời hạn Phụ lục hợp đồng B.O.T Số 1279/2018/PLHD-BOT ngày 11 tháng 1 năm 2018, dự án xây dựng bổ sung cầu Tân Kỳ Tân Quý. Theo đó, phần chi phí xây dựng và các chi phí liên quan khác cho Dự án cầu Tân Kỳ Tân Quý sẽ được Cơ quan nhà nước thanh toán cho Công ty.

9. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả cho bên khác	7.914.734.514	2.834.219.942
- Công ty Cổ phần Công nghệ Biển Bạc Miền Nam	978.966.380	-
- Khác	6.935.768.134	2.834.219.942
Phải trả bên liên quan (Thuyết minh số 22)	491.125.617	-
TỔNG CỘNG	8.405.860.131	2.834.219.942

10. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	VND			
	Số đầu năm	Tăng	Giảm	Số cuối năm
Thuế thu nhập doanh nghiệp	14.146.879.762	33.727.116.385	(40.731.949.763)	7.142.046.384
Thuế giá trị gia tăng	1.061.735.835	39.189.699.711	(38.815.130.957)	1.436.304.589
Thuế thu nhập cá nhân	159.140.981	1.087.605.371	(1.177.253.674)	69.492.678
Khác	-	4.000.000	(4.000.000)	-
TỔNG CỘNG	15.367.756.578	74.008.421.467	(80.728.334.394)	8.647.843.651

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

11. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

		VND
	Số cuối năm	Số đầu năm
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	1.015.741.762	627.515.700
Cổ tức phải trả	901.572.490	735.846.130
Khác	1.260.524.824	135.948.922
TỔNG CỘNG	3.177.839.076	1.499.310.752

12. VAY

	Số đầu năm	Phân loại lại	VND Số cuối năm
Ngắn hạn			
Vay ngân hàng dài hạn đến hạn trả	-	88.360.000.000	88.360.000.000
Dài hạn			
Vay ngân hàng	587.180.216.383	(88.360.000.000)	498.820.216.383

Công ty thực hiện các khoản vay dài hạn từ ngân hàng nhằm mục đích đầu tư các dự án B.O.T. Chi tiết như sau:

Ngân hàng	Số cuối năm (VND)	Ngày đáo hạn	Lãi suất (%/năm)	Hình thức đảm bảo
Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam – Chi nhánh Đồng Nai	587.180.216.383	Từ ngày 31 tháng 3 năm 2025 đến ngày 31 tháng 3 năm 2032	9,0	Quyền, lợi ích phát sinh từ việc thu phí giao thông trên toàn bộ Quốc lộ 1 đoạn An Sương – An Lạc (Km 1901-1915) gắn liền với công trình B.O.T
Trong đó:				
Vay dài hạn	498.820.216.383			
Vay dài hạn đến hạn trả	88.360.000.000			

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

13. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ DÀI HẠN

Dự phòng phải trả dài hạn thể hiện các khoản dự phòng phải trả liên quan đến các chi phí sửa chữa vừa và sửa chữa lớn căn cứ vào ước tính của Công ty dựa trên các phụ lục Hợp đồng B.O.T thuộc các hạng mục trên tuyến Quốc lộ 1A đoạn An Sương – An Lạc.

14. QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI

		VND
	Số cuối năm	Số cuối năm
Số đầu năm	899.960.753	620.939.732
Trích lập quỹ trong năm (<i>Thuyết minh số 15.1</i>)	1.719.623.871	1.656.465.463
Sử dụng quỹ trong năm	<u>(1.093.656.000)</u>	<u>(1.379.444.442)</u>
Số cuối năm	<u>1.525.928.624</u>	<u>899.960.753</u>

Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hạ tầng IDICO

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

15. VỐN CHỦ SỞ HỮU

15.1 *Tình hình tăng (giảm) nguồn vốn chủ sở hữu*

	Vốn cổ phần	Quỹ đầu tư và phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	VND Tổng cộng
Năm trước				
Số đầu năm	249.492.000.000	164.586.458.199	32.633.301.350	446.711.759.549
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	57.320.795.701	57.320.795.701
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	(1.658.465.463)	(1.658.465.463)
Cổ tức công bố	-	-	(19.959.360.000)	(19.959.360.000)
Số cuối năm	249.492.000.000	164.586.458.199	68.336.271.588	482.414.729.787
Năm nay				
Số đầu năm	249.492.000.000	164.586.458.199	68.336.271.588	482.414.729.787
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	63.782.472.879	63.782.472.879
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	-	-	(1.719.623.871)	(1.719.623.871)
Cổ tức công bố (*)	-	-	(39.918.720.000)	(39.918.720.000)
Số cuối năm	249.492.000.000	164.586.458.199	90.480.400.596	504.558.858.795

(*) Theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 25 tháng 4 năm 2024, Đại hội đồng Cổ đông của Công ty đã thông qua phương án phân phối lợi nhuận sau thuế để chi trả cổ tức bằng tiền mặt và trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

15. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

15.2 Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và phân phối cổ tức

	Năm nay	VND Năm trước
Vốn đầu tư đã góp của chủ sở hữu		
Số đầu kỳ và số cuối kỳ	249.492.000.000	249.492.000.000
Cổ tức		
Cổ tức công bố	39.918.720.000	44.908.560.000
Cổ tức đã trả trong năm	39.752.993.640	45.164.094.170

15.3 Cổ phiếu

	Số cuối năm	Cổ phiếu Số đầu năm
Cổ phiếu được phép phát hành	24.949.200	24.949.200
Cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ Cổ phiếu phổ thông	24.949.200	24.949.200
Cổ phiếu đang lưu hành Cổ phiếu phổ thông	24.949.200	24.949.200

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND (31 tháng 12 năm 2023: 10.000 VND). Các cổ đông nắm giữ cổ phiếu phổ thông của Công ty được quyền hưởng cổ tức do Công ty công bố. Mỗi cổ phiếu phổ thông thể hiện một quyền biểu quyết, không hạn chế.

15.4 Chi tiết vốn cổ phần

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	VND	%	VND	%
Tổng Công ty IDICO - CTCP	143.457.900.000	57.5	143.457.900.000	57.5
Các cổ đông khác	106.034.100.000	42.5	106.034.100.000	42.5
TỔNG CỘNG	249.492.000.000	100	249.492.000.000	100

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

15. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

15.5 Lãi trên cổ phiếu

Công ty sử dụng các thông tin sau để tính lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu:

	VND	
	Năm nay	Năm trước (trình bày lại)
Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN	63.782.472.879	57.320.795.701
Trừ: quỹ khen thưởng phúc lợi	(2.291.721.474)	(1.719.623.871)
Lợi nhuận thuần phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty	61.490.751.405	55.601.171.830
Số lượng cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân	24.949.200	24.949.200
Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	2.465	2.229
Lãi suy giảm trên mỗi cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	2.465	2.229

Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 được điều chỉnh giảm cho khoản thực trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận của năm 2023 theo kế hoạch được phê duyệt trong Nghị quyết Đại Hội đồng Cổ đông số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 25 tháng 4 năm 2024.

Công ty không có giao dịch cổ phiếu phổ thông suy giảm tiềm năng trong năm và vào ngày lập báo cáo tài chính này.

16. DOANH THU

16.1 Doanh thu cung cấp dịch vụ

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Doanh thu từ thu cước đường bộ	463.835.480.793	440.280.839.733
Doanh thu xây dựng	25.872.368.834	-
Doanh thu khác	132.000.000	66.000.000
TỔNG CỘNG	489.839.849.627	440.346.839.733

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

16. DOANH THU (tiếp theo)

16.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi	<u>10.881.980.921</u>	<u>2.923.600.636</u>

17. GIÁ VỐN DỊCH VỤ CUNG CẤP

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí khấu hao và hao mòn	102.038.838.612	96.801.927.976
Chi phí dự phòng sửa chữa lớn	88.219.990.827	50.463.754.471
Chi phí dịch vụ mua ngoài	80.606.076.725	70.449.639.225
Chi phí nguyên vật liệu	24.650.423.151	6.912.351.174
Chi phí nhân viên	23.499.855.838	21.930.280.030
Chi phí khác	6.083.854.699	4.268.336.038
TỔNG CỘNG	<u>325.099.039.852</u>	<u>250.826.288.914</u>

18. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	<u>55.846.810.710</u>	<u>77.278.422.391</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

19. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

		VND
	Năm nay	Năm trước
Chi phí bán hàng		
Chi phí nhân viên	24.382.865.276	26.470.023.655
Chi phí dịch vụ mua ngoài	10.284.668.219	9.161.983.281
Chi phí khấu hao và hao mòn	343.234.604	487.034.234
Chi phí khác	812.408.464	721.000.926
Chi phí quản lý doanh nghiệp		
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.722.143.200	1.514.352.285
Chi phí nhân viên	575.558.884	754.216.144
Chi phí khấu hao và hao mòn	300.015.984	411.856.558
Chi phí dự phòng	-	1.423.236.269
Chi phí khác	1.564.778.231	2.530.222.866
TỔNG CỘNG	39.985.672.862	43.473.926.268

20. CHI PHÍ KINH DOANH THEO YẾU TỐ

		VND
	Năm nay	Năm trước
Chi phí khấu hao và hao mòn	102.682.089.200	97.700.818.818
Chi phí dịch vụ mua ngoài	92.612.888.144	81.125.974.791
Chi phí dự phòng sửa lớn	88.219.990.827	51.886.990.740
Chi phí nhân viên	48.458.279.998	49.154.519.829
Chi phí khác	33.111.464.545	14.431.911.004
TỔNG CỘNG	365.084.712.714	294.300.215.182

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

21. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") của Công ty là 20% của thu nhập chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

21.1 Chi phí thuế TNDN

	Năm nay	VND Năm trước
Thuế TNDN hiện hành	33.727.116.385	24.946.730.345
Điều chỉnh thuế TNDN trích thiếu trong những năm trước	-	60.221.560
Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	(17.643.998.166)	(10.377.398.148)
TỔNG CỘNG	16.083.118.219	14.629.553.757

Dưới đây là đối chiếu giữa chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	Năm nay	VND Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	79.865.591.098	71.950.349.458
Thuế TNDN theo thuế suất 20% áp dụng cho Công ty	15.973.118.219	14.390.069.891
<i>Điều chỉnh:</i>		
Chi phí không được trừ	110.000.000	179.262.306
Điều chỉnh thuế TNDN trích thiếu trong những năm trước	-	60.221.560
Chi phí thuế TNDN ước tính trong năm	16.083.118.219	14.629.553.757

21.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được trừ cho mục đích tính thuế trong năm tài chính khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc năm tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

21. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

21.3 Thuế TNDN hoãn lại

Công ty đã ghi nhận tài sản thuế TNDN hoãn lại và các biến động trong năm như sau:

	Bảng cân đối kế toán		Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Năm nay	Năm trước
Dự phòng sửa chữa vừa và sửa chữa lớn	48.672.936.198	31.028.938.032	17.643.998.166	10.377.398.148
Tài sản thuế TNDN hoãn lại	48.672.936.198	31.028.938.032		
Thu nhập thuế TNDN hoãn lại			17.643.998.166	10.377.398.148

22. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan có quan hệ kiểm soát với Công ty và các bên liên quan có giao dịch với Công ty trong năm và tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Tổng Công ty IDICO – CTCP (“IDICO”)	Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Dầu khí IDICO (“IDICO-CONAC”)	Cùng công ty mẹ
Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư IDICO (“IDICO-INCON”)	Cùng công ty mẹ
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Long An IDICO (“IDICO-LINCO”)	Cùng công ty mẹ
Ông Nguyễn Hồng Hải	Chủ tịch Hội đồng quản trị (“HĐQT”)
Ông Lê Quốc Đạt	Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc
Ông Khương Quốc Bình	Thành viên HĐQT kiêm Phó Giám đốc
Ông Đỗ Chí Linh	Thành viên HĐQT từ ngày 25 tháng 4 năm 2024
Ông Nguyễn Anh Dũng	Thành viên HĐQT đến ngày 25 tháng 4 năm 2024
Ông Nguyễn Ngọc Khánh	Thành viên Độc lập HĐQT
Bà Nguyễn Thị Thanh Huyền	Trưởng Ban Kiểm soát từ ngày 25 tháng 4 năm 2024
Ông Nguyễn Văn Thọ	Trưởng Ban Kiểm soát đến ngày 25 tháng 4 năm 2024
Bà Lê Thùy Trang	Thành viên Ban Kiểm soát từ ngày 25 tháng 4 năm 2024
Ông Nguyễn Bình Minh	Thành viên Ban Kiểm soát từ ngày 25 tháng 4 năm 2024
Ông Nguyễn Đăng Thanh	Thành viên Ban Kiểm soát đến ngày 25 tháng 4 năm 2024
Bà Nguyễn Thị Minh Phương	Thành viên Ban Kiểm soát đến ngày 25 tháng 4 năm 2024
Ông Bùi Văn Dân	Phó Giám đốc
Ông Đoàn Văn Hùng	Phó Giám đốc

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

22. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm như sau:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Năm nay</i>	<i>VND</i>
			<i>Năm trước</i>
IDICO	Cổ tức đã chia	22.953.264.000	11.476.632.000
IDICO-CONAC	Cổ tức đã chia	1.708.160.000	854.080.000
IDICO-INCON	Dịch vụ giám sát thi công	1.349.453.205	1.386.104.543

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

			VND
<i>Bên liên quan</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
<i>Phải thu ngắn hạn khác</i>			
IDICO-LINCO	Hợp tác đầu tư	<u>50.000.000</u>	<u>50.000.000</u>
<i>Phải trả người bán ngắn hạn</i>			
IDICO-INCON	Dịch vụ giám sát thi công	<u>491.125.617</u>	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

22. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Thu nhập của các thành viên Hội đồng Quản trị (“HĐQT”), Ban Giám đốc và Ban Kiểm soát được trình bày như sau:

		VND	
Tên	Chức vụ	Thu nhập	
		Năm nay	Năm trước
Thu nhập của HĐQT và Ban Giám đốc			
Ông Nguyễn Hồng Hải	Chủ tịch HĐQT	98.000.000	162.444.444
Ông Lê Quốc Đạt	Thành viên HĐQT		
	kiêm Giám đốc	890.222.222	927.555.555
Ông Khương Quốc Bình	Thành viên HĐQT		
	kiêm Phó Giám đốc	740.000.000	777.333.332
Ông Đỗ Chí Linh	Thành viên HĐQT từ ngày 25 tháng 4 năm 2024	38.000.000	-
Ông Nguyễn Anh Dũng	Thành viên HĐQT đến ngày 25 tháng 4 năm 2024	28.000.000	105.333.332
Ông Nguyễn Ngọc Khánh	Thành viên HĐQT	66.000.000	105.333.332
Ông Bùi Văn Dân	Phó Giám đốc	696.222.222	716.444.444
Ông Đoàn Văn Hùng	Phó Giám đốc	668.000.000	694.222.222
Ban Kiểm soát và Kế toán trưởng			
Bà Nguyễn Thị Thanh Huyền	Trưởng Ban Kiểm soát từ ngày 25 tháng 4 năm 2024	38.000.000	-
Ông Nguyễn Văn Thọ	Trưởng Ban Kiểm soát đến ngày 25 tháng 4 năm 2024	276.250.000	720.922.222
Bà Lê Thùy Trang	Thành viên Ban Kiểm soát từ ngày 25 tháng 4 năm 2024	28.500.000	-
Ông Nguyễn Bình Minh	Thành viên Ban Kiểm soát từ ngày 25 tháng 4 năm 2024	28.500.000	-
Ông Nguyễn Đăng Thanh	Thành viên Ban Kiểm soát đến ngày 25 tháng 4 năm 2024	21.500.000	71.222.223
Bà Nguyễn Thị Minh Phương	Thành viên Ban Kiểm soát đến ngày 25 tháng 4 năm 2024	21.500.000	71.222.223
Ông Nguyễn Trường Vũ	Kế toán trưởng	658.666.667	684.444.444
TỔNG CỘNG		4.297.361.111	5.036.477.773

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

23. ĐIỀU CHỈNH LẠI DỮ LIỆU TƯƠNG ƯNG

Một số dữ liệu tương ứng trên báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 đã được điều chỉnh lại cho phù hợp với cách trình bày báo cáo tài chính của năm nay. Ảnh hưởng của các điều chỉnh lại này như sau:

VND

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Chỉ tiêu	Số đầu năm (trình bày trước đây)	Ảnh hưởng của trình bày lại	Số đầu năm (đã trình bày lại)
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2023			
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	45.382.999.831	(34.096.120.971)	11.286.878.860
Tài sản dài hạn khác	-	34.096.120.971	34.096.120.971

24. SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty.

Nguyễn Thị Loan
Người lập

Nguyễn Trường Vũ
Kế toán trưởng

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 21 tháng 3 năm 2025
Lê Quốc Đạt
Giám đốc